

Ngành chăn nuôi trước thách thức Việt Nam gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

LÊ THỊ MAI HƯƠNG & TRẦN VĂN HÙNG

NCS Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM

Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020 với mục tiêu xây dựng nền chăn nuôi an toàn sinh học, bền vững được đề ra trong bối cảnh ngành còn đối mặt với nhiều khó khăn như quy mô nhỏ lẻ, bất cập trong khâu giống, phát triển đồng cỏ, vùng nguyên liệu cho chế biến thức ăn... đang là “rào cản” khiến mục tiêu trên khó thành hiện thực. Ngay khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) dự kiến được thành lập vào cuối năm 2015 cũng sẽ là thách thức không nhỏ đối với ngành chăn nuôi VN trong bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu với khu vực và thế giới. Trên cơ sở đó, bài viết này dựa trên nguồn số liệu thứ cấp thu thập từ các cơ quan ban ngành và chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để nêu lên thực trạng, những khó khăn thách thức của ngành chăn nuôi VN khi đất nước hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Từ khóa: Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), ngành chăn nuôi, hội nhập, thách thức.

1. Đặt vấn đề

Chăn nuôi là ngành kinh tế quan trọng của VN, là nguồn cung cấp thực phẩm chủ yếu cho người dân. Đây cũng là ngành kinh tế giúp cho nông dân tăng thu nhập, giải quyết được nhiều công ăn việc làm cho người lao động. Trong những năm qua, ngành chăn nuôi đã có sự phát triển khá nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm qua các giai đoạn có xu hướng tăng lên rõ rệt. Tăng trưởng bình quân hàng năm 9,1%/năm trong 3 năm gần đây (2011-2013). Theo số liệu của Tổng cục Thống kê giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi trong năm 2013 đạt 147.979,5

tỷ đồng, chiếm 24,65% giá trị sản xuất của toàn ngành nông nghiệp, với các loại gia súc, gia cầm hiện có ở nước ta tính đến hết năm 2013 đã sản xuất được 4.336,6 ngàn tấn thịt xẻ các loại. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được ngành chăn nuôi đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như dịch bệnh, quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ, nguồn thức ăn chăn nuôi chủ yếu nhập khẩu với chi phí cao, giá cả đầu ra bấp bênh, năng suất sản xuất thấp, cạnh tranh bởi hàng nhập khẩu từ nước ngoài. Đặc biệt, trong xu thế hội nhập sâu rộng hiện nay, ngành chăn nuôi trong nước sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó

khăn và mức độ cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu ngày càng khốc liệt hơn nhất là sự cạnh tranh của các nước trong khu vực ASEAN khi mà Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập. Tính đến hết năm 2014, mức độ tự do hóa trong khu vực ASEAN đạt tỷ lệ cao nhất với khoảng 75% số dòng thuế nhập khẩu đã được cắt giảm xuống mức 0%. Gia nhập AEC đòi hỏi cắt giảm thuế quan nhanh hơn và rộng hơn và các mặt hàng nông nghiệp nhạy cảm được duy trì mức thuế suất thấp là 5%, thuế suất thuế nhập khẩu thịt sẽ chỉ còn 0%. Đây là thách thức không nhỏ đối với ngành chăn nuôi VN.

Bảng 1: Sản lượng sản phẩm chăn nuôi chủ yếu của VN

Sản phẩm	ĐVT	2005	2010	2011	2012	2013
Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng	Nghìn tấn	59,8	83,6	87,8	88,5	85,4
Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng	Nghìn tấn	142,2	278,9	287,2	293,9	285,4
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng	Nghìn tấn	2.288,3	3.036,4	3.098,9	3.160,0	3.217,9
Sản lượng thịt gia cầm hơi giết, bán	Nghìn tấn	321,9	615,2	696,0	729,4	746,9
Sản lượng sữa tươi	Triệu lít	197,7	306,7	345,4	381,7	456,0
Trứng gia cầm	Triệu quả	3.948,5	6.421,9	6.896,9	7.299,9	7.754,6
Sản lượng mật ong	Tấn	13.591,0	11.944,0	11.804,0	12.365,0	12.882,6
Sản lượng kén tằm	Tấn	11.475,0	7.107,0	7.057,0	7.517,0	6.358,7

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bảng 2: Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi phân theo nhóm vật nuôi và loại sản phẩm (ĐVT: tỷ đồng)

Năm	Tổng số	Gia súc	Gia cầm	Sản phẩm không qua giết thịt
2005	95.252,9	74.749,1	9.820,0	10.019,7
2006	101.792,1	81.117,3	10.101,8	10.314,3
2007	106.454,8	84.157,6	10.440,8	11.347,0
2008	114.543,8	87.962,9	13.362,8	12.095,2
2009	126.614,4	96.192,2	15.972,4	13.223,1
2010	135.137,2	97.685,4	19.884,2	15.280,1
2011	141.204,2	99.494,9	25.760,7	13.606,6
2012	144.863,1	101.377,7	26.921,7	14.141,1
2013	147.979,5	102.589,8	27.596,5	15.295,8

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. Thực trạng ngành chăn nuôi VN trong những năm qua

Trong những năm qua ngành chăn nuôi đạt mức tăng trưởng bình quân 4,5% giai đoạn 2009 – 2013, trong khi đó mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001-2006 đạt 8,5%/năm. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi trong năm 2013 tăng trưởng 2,2 % so với năm 2012. Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng đàn

lợn năm 2013 đạt 2.6261,4 nghìn con, giảm 232,6 nghìn con so với năm 2012; tổng số gia cầm đạt 314,8 triệu con, tăng 6,3 triệu con so với năm 2012; số còn lại (trâu, bò, ngựa, dê, cừu) trong năm 2013 đạt 9.061 nghìn con, giảm 104,6 nghìn con so với năm 2012.

Nhìn chung sản lượng ngành chăn nuôi tăng qua các năm. Đạt được những kết quả trên là do có

chính sách hỗ trợ của Nhà nước và sự nỗ lực của ngành chăn nuôi nước ta trong những năm vừa qua như áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, cải tiến con giống vật nuôi, tăng số lượng chăn nuôi theo quy mô trang trại và những mô hình chăn nuôi tiên tiến như mô hình nuôi heo nhiều nạc, gia cầm siêu thịt, cải tạo đàn bò sữa, trồng cỏ cao sản,...Đã được nông dân mạnh dạn thực hiện. Bên cạnh đó, các trang trại chăn nuôi được đầu tư đồng bộ từ con giống, chuồng trại, thức ăn, thú y và xử lý chất thải chăn nuôi với trang thiết bị hiện đại, quy mô lớn. Đặc biệt, chủ các trại nuôi gia công đã thiết kế chuồng nuôi kín, chủ động kiểm soát nhiệt độ, giảm thiểu dịch bệnh và cho năng suất cao.

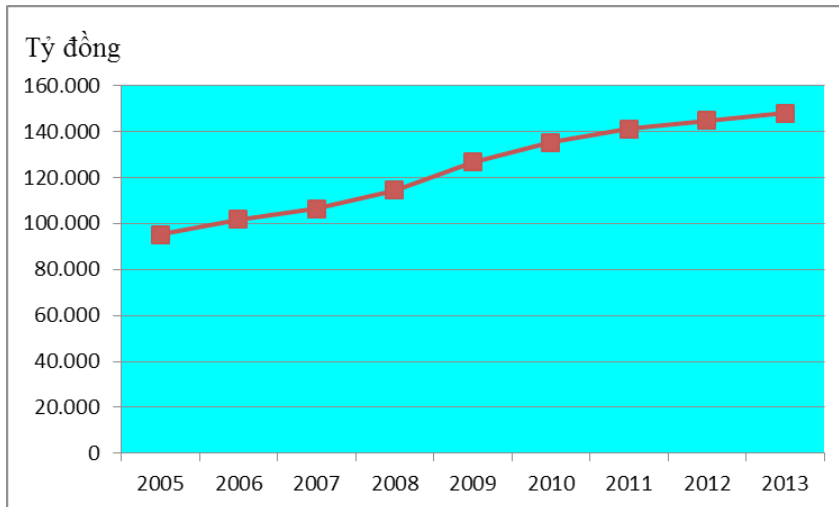
Theo thống kê về giá trị sản xuất ngành chăn nuôi qua giai đoạn 2005-2013 có thể thấy được giá trị của ngành tăng trưởng nhanh thể hiện qua hình vẽ sau:

Mặc dù đạt được những thành tựu đáng kể, trong những năm gần đây ngành chăn nuôi đang gặp nhiều khó khăn gây cản trở đến sự phát triển của ngành. Những khó khăn có thể kể đến:

2.1. Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi

Từ năm 2003, ngành chăn nuôi luôn phải đối mặt với tình hình dịch bệnh, điển hình là dịch bệnh cúm gia cầm và dịch tai xanh ở lợn. Dịch cúm trên gia cầm đã xảy ra trên 57/64 tỉnh thành gây thiệt hại nặng nề trong sản xuất cũng như ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu dùng, giai đoạn 2003-2008 VN phải chi 236 triệu USD trong việc phòng chống cúm gia cầm. Từ năm 2007 đến nay dịch bệnh tai

Hình 1: Tổng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi VN giai đoạn 2005-2013



xa xảy ra trên 38 tỉnh thành, trên 13.355 hộ gia đình với gần 30.000 đầu lợn bị tiêu hủy. Cùng với sự phát triển về quy mô, tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi xảy ra càng nhiều, lây lan nhanh, khó kiểm soát, mức độ thiệt hại mà dịch bệnh gây ra cho ngành chăn nuôi ngày càng lớn.

2.2. Quy mô chăn nuôi nhỏ lẻ và thiếu bền vững

Hình thức chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ, hầu hết đều được nuôi ở quy mô hộ gia đình, tận dụng thức ăn thừa, không quan tâm tới công tác tiêm phòng hay phòng chống dịch bệnh theo quy trình của cơ quan thú y. Đó là bức tranh cơ bản của chăn nuôi VN hiện nay. Theo số liệu tổng điều tra năm 2011 của Tổng cục Thống kê, trong tổng số 4.131 ngàn hộ chăn nuôi lợn có 2.144,0 ngàn hộ, chiếm 51,9%, nuôi quy mô rất nhỏ (nuôi 1-2 con lợn/hộ). Số hộ nuôi từ 3-9 con có 1.427,2 ngàn, chiếm 34,5%. Tổng cộng số hộ nuôi 1-9 con chiếm 86,4% số hộ nuôi lợn của cả nước. Do chăn nuôi tận dụng, chủ yếu nuôi lợn lai (71,43 kg/con – 92,79 kg/

con so với chăn nuôi trang trại lợn ngoại lợn xuất chuồng 90,00 – 96,32 kg/con, nhỏ hơn 11,05 kg/con; thời gian nuôi dài hơn, 169,9 ngày tuổi so với 149,4 ngày tuổi cho nên sản lượng thịt xuất chuồng ở nhóm hộ này ước khoảng 34,2 % tổng sản lượng thịt lợn. Điều này cho thấy chăn nuôi quy mô nhỏ (1-9 con lợn/hộ) không còn vị thế trong sản xuất thịt lợn ở nước ta.

Về quy mô nuôi gia cầm, tính chung cả nước, nhóm nuôi rất nhỏ (1 đến 19 con) chiếm 54,7% tổng số hộ nuôi gia cầm; nhóm có quy mô nhỏ (20 đến 49 con) cũng chiếm đến 34,9%. Hai nhóm này chiếm 89,6% số hộ, với 7.046,9 ngàn hộ nhưng tổng sản lượng sản phẩm chăn nuôi sản xuất ra ước tính chiếm 30%. Do tuổi giết thịt trung bình gia cầm chăn nuôi nhỏ lẻ 3 - 4 tháng tuổi so với 1,5 - 2,5 tháng tuổi chăn nuôi công nghiệp quy mô vừa và lớn, đồng thời gia cầm ở các hộ nuôi nhỏ lẻ này có khối lượng xuất chuồng nhỏ hơn khoảng 10 - 15% cho nên sản lượng thịt chỉ chiếm khoảng 30% tổng sản lượng thịt

gia cầm. Nhóm quy mô chăn nuôi lớn hơn tuy chiếm 10,4% số hộ, nhưng sản xuất ước 70% sản lượng thịt gia cầm. Đây là nhóm hộ gia đình nuôi gà quy mô lớn, cận với tiêu chí trang trại và trang trại, chủ yếu theo phương pháp nuôi gà công nghiệp, có hiệu quả kinh tế khá cao nên đã phát triển mạnh trong những năm gần đây. Năm 2011 cả nước có trên 16,6 nghìn hộ nuôi gà quy mô lớn hơn (trên 1.000 con/hộ).

2.3. Thiếu con giống và nguồn cung cấp con giống chất lượng

Hiện nay số lượng con giống không đảm bảo, chất lượng yếu kém, chưa chú trọng quy mô phát triển, ... dù là ngành kinh tế quan trọng nhưng ở VN lại chưa có một trung tâm quản lý và cải tiến di truyền giống heo quy chuẩn để hỗ trợ cho ngành chăn nuôi heo. Chất lượng heo giống ở VN kém đã dẫn đến chi phí sản xuất quá cao, hiệu quả kinh tế thấp. Trong khi ở Canada, một con heo nái thương phẩm đẻ ra được khoảng 26-27 heo con/năm trong khi đó tại VN một con heo nái chỉ đẻ được khoảng 16-18 heo con/năm. Heo giống có thể trạng tốt sẽ giảm được chi phí thức ăn, thuốc thú y và các chi phí khác.

2.4. Biến động giá thức ăn chăn nuôi

Thức ăn chăn nuôi (TACN) chủ yếu do các doanh nghiệp nước ngoài sản xuất trong nước cung cấp và nhập khẩu. Giá thức ăn chăn nuôi thường xuyên biến động theo chiều hướng tăng làm tăng chi phí chăn nuôi. Thực tế là hầu hết các doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp lớn trong nước đã đạt tiêu chuẩn ISO nhưng lại chưa

Bảng 3: Nhập khẩu nguyên liệu TACN cho gia súc gia cầm và nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2010-2013*

	2010		2011		2012		2013	
	SL (tr.tấn)	Giá trị (tỷ USD)	SL (tr.tấn)	Giá trị (tỷ USD)	SL (tr.tấn)	Giá trị (tỷ USD)	SL (tr.tấn)	Giá trị (triệu USD)
Tổng	7,77	2,68	8,91	3,68	8,87	3,99	9,23	4.078***
TA giàu năng lượng**	3,15	0,75	3,86	1,24	4,35	1,32	3,14	937,1
TA giàu đạm**	4,41	1,84	4,80	2,34	4,29	2,01	5,01	2.622
TA bổ sung	0,21	0,10	0,25	0,11	0,23	0,65	0,926	518,9

Nguồn: Tổng cục Hải quan, Tổng cục chăn nuôi

* Lượng nguyên liệu nhập khẩu trên bao gồm cả thức ăn nuôi trồng thủy sản;

** Có một lượng lúa mỳ, ngô và đậu tương trên dùng làm thực phẩm và giống cây trồng (ước 0,89 ngàn tấn)

*** Không bao gồm 418,4 triệu USD vì mục nhập của Hải quan là cho sản xuất dầu ăn.

có quản lý chất lượng GMP (hệ thống đánh giá, quản lý, thông tin rủi ro trong dây chuyền sản xuất) dẫn đến tình trạng chất lượng thức ăn chưa cao. Việc phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu các nguyên liệu quan trọng như premix, chất phụ gia và các chất bổ sung khác làm cho người chăn nuôi phải gánh chịu nhiều chi phí. Nguyên nhân khác dẫn đến giá TACN tăng là do ngành nông nghiệp thiếu khả năng quy hoạch phát triển các nguồn nguyên liệu thô cũng như công nghiệp phụ trợ cho chế biến TACN, VN là nước nông nghiệp nhưng ngành sản xuất TACN đang gặp phải nghịch lý khi không chủ động được nguồn nguyên liệu chủ chốt có nguồn gốc từ nông nghiệp như ngô, đậu tương, thức ăn thô xanh,...

Tham khảo giá TACN được sản xuất ở 130 nước thì giá tại các nước ở châu Á cao nhất do lệ thuộc nhập khẩu. Năm 2013 tổng sản lượng TACN của VN khoảng 27,49 triệu tấn, nhập khẩu 9,23 triệu tấn, tương đương 33,6%. Giá TACN ở VN bán đến người tiêu dùng vào loại trung bình, chỉ rẻ hơn khoảng 1-2% so với trung bình các nước châu Á. Trong giá thành sản phẩm chăn nuôi chi phí

TACN chiếm 65 – 70%. Như vậy chúng ta không phải là nước có lợi thế cạnh tranh trong việc nhờ TACN giá rẻ.

3. Những thách thức đối với ngành chăn nuôi khi VN gia nhập AEC

Cộng đồng Kinh tế ASEAN được thành lập với mục tiêu “tạo dựng một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao, nơi có sự di chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, di chuyển tự do hơn của các luồng vốn, phát triển kinh tế đồng đều và giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về kinh tế-xã hội”. Về tự do hóa thương mại khu vực tính đến ngày 1/1/2010 các nước ASEAN-6 đã hoàn thành mục tiêu xóa bỏ thuế quan đối với 99,65% số dòng thuế. ASEAN-4 (VN, Lào, Myanma, Campuchia) đã đưa 98,86% số dòng thuế tham gia chương trình ưu đãi thuế quan về mức 0-5%. Khi VN gia nhập AEC sẽ tạo điều kiện cho nhiều ngành kinh tế phát triển trong đó có ngành chăn nuôi. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi mà AEC dự kiến sẽ đem lại thì tồn tại không ít những thách thức đối với ngành chăn nuôi, cụ thể là:

Với việc đẩy mạnh tự do hóa thương mại, hàng rào thuế quan

và phí thuế quan giữa các quốc gia thành viên AEC sẽ dần xóa bỏ. Tính đến tháng 7/2013 VN đã giảm thuế nhập khẩu cho hơn 10.000 dòng thuế xuống mức 0-5%, chiếm khoảng 98% số dòng thuế trong biểu thuế. Với mức giảm thuế này, trong tương lai hàng hóa của ASEAN sẽ tràn ngập vào thị trường VN, mức thuế nhập khẩu thịt gia súc và gia cầm phải giảm theo thì ngay cả thị trường trong nước sẽ bị cạnh tranh gay gắt trước những sản phẩm ngoại nhập nên thị phần của ngành chăn nuôi trong nước sẽ bị giảm.

Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi ở VN lại phụ thuộc vào thị trường nước ngoài hoặc các công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi của nước ngoài như CP chiếm tới 65% thị phần thức ăn gia súc ở VN. Điều này khiến giá thức ăn chăn nuôi ở trong nước luôn cao hơn các nước trong khu vực từ 10 đến 15% đã đẩy giá thành sản phẩm chăn nuôi cao hơn các nước khác, giá thức ăn chiếm 65-75% giá thành sản phẩm so với khu vực. Chỉ tính riêng năm 2013, VN thu về 2,95 tỷ USD về xuất khẩu gạo nhưng chỉ tới 3 tỷ USD để nhập khẩu thức ăn chăn nuôi (nguyên liệu không đáp ứng nhu cầu, chế biến trong nước

giá cao hơn 1-2k/1kg...). Điều này tạo nên nghịch lý thịt ngoại đang được người tiêu dùng trong nước lựa chọn thay cho thịt nội. Mặc dù đang chịu mức thuế nhập khẩu từ 5 đến 7% nhưng giá thịt ngoại trên thị trường vẫn không cao hơn thịt nội là mấy, trong khi chất lượng lại tốt hơn.

Xét trên bình diện chung, quy mô chăn nuôi chủ yếu vẫn là sản xuất nhỏ lẻ, tính đến năm 2013 cả nước chỉ có khoảng 9.206 trang trại chăn nuôi, ít hơn nhiều so với các quốc gia khác và chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước thì với thuế suất 0% trong trường hợp VN gia nhập AEC và trong bối cảnh ngành chăn nuôi trong nước đang có quá nhiều yếu tố về giá thịt heo, thịt gà cao hơn so với các nước, thuế suất thuế nhập khẩu thịt và các sản phẩm liên quan của các nước nhập vào VN với thuế suất bằng 0%, giá thành thậm chí sẽ còn thấp hơn thịt nội, ngành chăn nuôi trong nước khó cạnh tranh. Ngoài ra, xu hướng hiện nay người dân đầu tư chuồng trại do gặp khó khăn về thị trường đầu vào cũng như đầu ra, dịch bệnh... Đã có dấu hiệu bỏ đàn nuôi hoặc không tự chăn nuôi mà lại đi chăn nuôi gia công cho các công ty chăn nuôi lớn bao tiêu vật tư, con giống, kỹ thuật, tiêu thụ đầu ra như Công ty chăn nuôi CP, Thành Công,...nhằm tránh rủi ro. Hệ lụy là không chỉ người chăn nuôi, mà những nông dân trồng cây lương thực làm nguyên liệu thức ăn cho ngành chăn nuôi cũng bị ảnh hưởng.

Dù là quốc gia có tổng đàn heo đứng thứ 4 thế giới nhưng thịt heo của VN xuất khẩu còn rất nhỏ (dưới <5% tổng lượng thịt



sản xuất) trong khi nhập khẩu về ngày càng tăng và xu hướng này sẽ không giảm nếu ngành chăn nuôi chưa có những hướng đi phù hợp.

Để chuẩn bị cho AEC, các nước trong ASEAN đã xâm nhập vào chuỗi bán lẻ của VN thông qua mua bán - sáp nhập hay đầu tư mới. Các chuỗi đại siêu thị như Metro, Parkson, Giant...Đang chờ đợi khi thuế suất nhập khẩu vào VN bằng 0% thì một lượng hàng hóa lớn của nước họ sẽ tràn vào. Lúc đó, không chỉ hàng công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp mà cả hàng nông sản của VN cũng bị đe dọa nghiêm trọng. Ngành chăn nuôi cũng không ngoại lệ khi các cơ sở chăn nuôi lớn rơi vào tay các tập đoàn nước ngoài và khi việc sử dụng đồ đông lạnh trong cuộc sống công nghiệp trở nên phổ biến thì những mặt hàng chăn nuôi như heo đông lạnh, gà vừa sạch vừa rẻ sẽ từ các nước lân cận tràn vào. Đây sẽ là những nguy cơ đối với ngành chăn nuôi bò, heo và gà.

Hiện nay đa phần các doanh nghiệp VN chưa hiểu biết đầy đủ

về Cộng đồng Kinh tế ASEAN cũng như chưa chuẩn bị đầy đủ cho việc cạnh tranh trên thị trường trong nước. Trong đó không ngoại lệ các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, chế biến thuộc ngành chăn nuôi.

4. Một số đề xuất khuyến nghị

Như vậy, ngành chăn nuôi VN cần phải có một chiến lược cụ thể để nâng cao sức cạnh tranh cũng như đối phó với những thách thức đã nêu khi VN gia nhập AEC. Một số đề xuất kiến nghị như sau:

Giải pháp tổng thể cho phát triển chăn nuôi bền vững đã được Chính phủ và Bộ Nông Nghiệp và PTNT định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2020, trong đó có quy hoạch lại ngành chăn nuôi.

Về công tác thú y: Nhà nước cần đầu tư chiều sâu cho lĩnh vực thú y mang tính lâu dài cả về đội ngũ cán bộ có kỹ thuật cao với các phòng thí nghiệm trọng điểm đồng bộ kết hợp với các chương trình hợp tác quốc tế về các bệnh liên quan đến viêm gây bệnh,

nhằm giải mã được chúng trên cơ sở đó nghiên cứu sản xuất được các loại vắc xin để chủ động trong phòng chống có hiệu quả cho các bệnh đã có và sẽ có trong tương lai ở nước ta. Các hộ chăn nuôi, các công ty, đơn vị cần tuân thủ quy trình phòng trừ dịch bệnh, sử dụng thuốc thú y đúng tiêu chuẩn quy định.

Về vấn đề chọn giống: Chú trọng khâu chọn giống, lai tạo giống cho chăn nuôi để tạo ra những gen tốt, giống vật nuôi quý cho năng suất chất lượng cao và có khả năng đề kháng cao với điều kiện tự nhiên thời tiết, khí hậu và các dịch bệnh.

Về nguồn thức ăn: Ngành nông nghiệp quy hoạch nguồn thức ăn tự cung trong nước được cung cấp từ sản xuất nông nghiệp, hạn chế nguồn thức ăn ngoại nhập và tận dụng nguồn thức ăn sẵn có. Tổ chức sản xuất thức ăn chăn nuôi từ nguồn thức ăn tập trung sẵn có như bắp, đậu, cám,...giúp giảm giá thành thức ăn.

Tăng cường huấn luyện kỹ thuật cho người nông dân: Hỗ trợ và thường xuyên mở các lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi cho các hộ chăn nuôi nhằm kết quả cao và những chuyên gia giỏi có kinh nghiệm thực tế về: Kỹ thuật ghép phối giống trong sản xuất lợn thương phẩm qua gieo tinh nhân tạo, đạt năng suất và tỷ lệ nạc cao; an toàn dịch bệnh; kỹ thuật nuôi dưỡng các loại lợn; kỹ thuật chuồng trại: vệ sinh môi trường và giết mổ sạch, giúp người nông dân vươn lên trong sản xuất theo từng giai đoạn.

Bản thân ngành chăn nuôi tự nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành bằng cách nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá

thành sản phẩm, hướng sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Các đơn vị, các doanh nghiệp, các hộ sản xuất chăn nuôi cần có sự liên kết chặt chẽ với nhau trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, phân phối tạo thành một chuỗi liên kết vững mạnh để ổn định sản xuất, góp phần làm tăng giá trị chăn nuôi và ổn định thị trường, bảo vệ quyền lợi cho người sản xuất và người tiêu dùng và có thể cạnh tranh với hàng hóa của nước ngoài.

Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các hộ chăn nuôi, các chủ trang trại, các doanh nghiệp chăn nuôi về vốn, xây dựng thương hiệu, tìm kiếm thị trường, cùng với các Viện phối hợp với Cục Chăn nuôi và Trung tâm khuyến nông các tỉnh thành phố tuyên truyền phổ biến kỹ thuật chăn nuôi, cung cấp thông tin về thị trường, về giá cả nguyên liệu, về cung cầu sản phẩm và về các tổ chức như AEC (mục tiêu, nội dung hoạt động, điều khoản áp dụng,...) để người chăn nuôi áp dụng.

Các đơn vị, các doanh nghiệp, các trang trại và các hộ chăn nuôi chủ động tìm hiểu đầy đủ nội dung về AEC khi VN gia nhập để tự nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như chủ động đối phó với những thách thức có thể xảy ra.

5. Kết luận

Chăn nuôi là một nghề có từ lâu đời, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nông dân VN, có ưu điểm là phát triển được trên mọi miền, vùng của đất nước và đóng góp đáng kể vào việc phát triển nền kinh tế. Song hiện nay ngành chăn nuôi đang phải đối mặt với nhiều khó khăn thách

thức từ dịch bệnh, khoa học kỹ thuật còn hạn chế, sản xuất nhỏ lẻ và tâm lý chạy theo số đông còn tồn tại khá phổ biến ở người chăn nuôi, sự liên kết trong sản xuất chế biến và tiêu thụ còn hạn chế,... đặc biệt là khi VN hội nhập vào kinh tế thế giới và khu vực như tổ chức WTO, TPP, AEC thì ngành chăn nuôi còn phải đối mặt với nhiều thách thức từ các nước trong khu vực. Chính vì vậy, ngành chăn nuôi cần có những chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình hội nhập, nâng cao năng lực sản xuất và cần sự hỗ trợ từ phía Nhà nước và các cơ quan ban hành nhằm hỗ trợ ngành phát triển bền vững ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hà Văn Hội (2013), “Gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế của VN”, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, số 4/2013.
- Nguyễn Đăng Vang (2014), “Chính sách trong ngành chăn nuôi và tác động đến người chăn nuôi quy mô nhỏ” tại hội thảo *Phân tích ảnh hưởng của cấu trúc ngành chăn nuôi đến lợi ích của người chăn nuôi nhỏ ở VN*, 20/6/2014, TP.HCM
- Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định 166/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2001 về chính sách phát triển chăn nuôi lợn xuất khẩu*.
- Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định 167/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2001 về chính sách phát triển chăn nuôi bò sữa ở VN giai đoạn 2001-2010*.
- Viện Kinh tế nông nghiệp, *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về ngành chăn nuôi VN*.
- Vũ Trọng Bình, Đào Đức Huân & Nguyễn Mạnh Cường (2014), *Chính sách phát triển chăn nuôi ở VN, thực trạng thách thức và chiến lược đến năm 2020*, Viện Chính sách và chiến lược phát triển NNNT.